

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TD  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 29 - 3 - 2022  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình La

Bà Hoàng Thị Hanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Kim Thị Ánh Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:** Bà Chu Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khu 9, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Chị Lương Thị Thu H, sinh năm 1997 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày:* Anh kết hôn với chị Lương Thị Thu H ngày 28/5/2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị H về làm dâu và sống chung cùng gia đình anh. Quá trình chung

sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, đến tháng 12/2017 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hằng ngày nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Cuối năm 2018 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Nay do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lương Thị Thu H.

*Bị đơn chị Lương Thị Thu H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; Tại bản tự khai ngày 16/12/2021, chị H trình bày:* Chị kết hôn với anh Phạm Văn T trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc vào năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng xảy ra xô xát, đánh chửi nhau nên cuối năm 2018 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay anh T có đơn xin ly hôn chị, chị đồng ý.

Về con chung, anh T và chị H đều trình bày: Anh, chị không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Lương Thị Thu H. Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Phạm Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; bị đơn chị Lương Thị Thu H có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam. Anh T và chị H có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nơi nguyên đơn cư trú là Tòa án nhân dân huyện TD giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện TD thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn là chị Lương Thị Thu H: Tại phiên tòa, bị đơn chị Lương Thị Thu H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Lương Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh T và chị H là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm thấy tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra xô xát; Anh T và chị H đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay, quá trình sống ly thân anh chị không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn chị H, chị H đồng ý ly hôn, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Lương Thị Thu H.

[4] Về con chung: Anh T và chị H không có con chung.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Phạm Văn T và chị Lương Thị Thu H tự nguyện ly hôn nên theo hướng dẫn tại Công văn 02/TANDTC - PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp một số vướng mắc trong xét xử, thì các đương sự chỉ phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định). Tại phiên tòa anh Phạm Văn T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Lương Thị Thu H.

2. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002783 ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; Anh T được hoàn lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Các đương sự.
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trần Thị Thu Hạnh**